

BÁO CÁO THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

Thống kê số liệu: Từ ngày 01/12/2018 đến 15/12/2018.

Đơn vị: Bình Định

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 15/12/2018).

I – BÁO CÁO KẾT QUẢ SÀNG LỌC TỔNG QUÁT

STT	Thông tin	Số lượng	Tỉ lệ
1	Thông tin mẫu lần 1		
	Tổng mẫu mới	20	100%
	Nguy cơ thấp	18	90.00%
	Nghi ngờ	2	10.00%
2	Tỷ lệ thu lại mẫu lần 2		
	Mẫu cần thu lại lần 2(Kết quả NCC lần 1)	2	10.00%
	Mẫu đã thu lại lần 2	2	100.00%
	Mẫu chưa thu lại lần 2	0	0.00%
3	Kết quả Sàng lọc sơ sinh	Mẫu nguy cơ cao lần 1 (Chưa được thu lại mẫu)	Mẫu thu lại lần 2
			Nguy cơ cao Nguy cơ thấp
	G6PD	0	0 2
	CH	0	0 0
	CAH	0	0 0
	PKU	0	0 0
	GAL	0	0 0
	HEMO	0	0 0

BÁO CÁO THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỘC SƠ SINH

Thống kê số liệu: Từ ngày 01/12/2018 đến 15/12/2018

Đơn vị: Bình Định

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 15/12/2018)

II – BÁO CÁO CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Thông tin	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tổng số mẫu	20	
2	Giới tính		
	Nam	9	
	Nữ	11	
	Nam/Nữ	0.82	
3	Phương pháp sinh		
	Sinh mổ	17	85.00%
	Sinh thường	3	15.00%
	N/A	0	0.00%
4	Tuổi mẹ khi sinh (Chi tiết tại trang 3)		
	N/A	0	0.00%
	Dưới 18 tuổi	0	0.00%
	Từ 18 đến 35 tuổi	16	80.00%
	Trên 35 tuổi	4	20.00%
5	Sinh con thứ 3 trở lên (Dựa vào Para)		
	Sinh con thứ 3	4	20.00%
	Sinh con thứ 4	1	5.00%
	Sinh con thứ 5 trở lên	1	5.00%
6	Gói xét nghiệm		
	2 bệnh	0	0.00%
	3 bệnh	0	0.00%
	5 bệnh	20	100.00%
	2 bệnh + Hemo	0	0.00%
	3 bệnh + Hemo	0	0.00%
	5 bệnh + Hemo	0	0.00%
7	Chương trình sàng lọc		
	Quốc gia	0	0.00%
	Xã hội hóa	20	100.00%
	Demo	0	0.00%
8	Chất lượng mẫu		
	Mẫu đạt chất lượng	1	5.00%
	Mẫu không đạt chất lượng	19	95.00%
	Mẫu có vòng huyết thanh	1	5.00%
	Trẻ sinh non hoặc nhẹ cân	1	5.00%
	Mẫu ít	15	75.00%
	Không thấm đều 2 mặt	19	95.00%

BÁO CÁO THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

Thống kê số liệu: Từ ngày 01/12/2018 đến 15/12/2018

Đơn vị: Bình Định

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 15/12/2018)

III – BÁO CÁO CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU

STT	Thông tin	Nguy cơ thấp (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ cao (Mẫu thu lần 1)	Tổng (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ thấp (Mẫu thu lần 2)	Nguy cơ cao (Mẫu thu lần 2)	Tổng (Mẫu thu lần 2)
1	Cân nặng trẻ (g)	18	2	20	2	0	2
	< 2500	1	0	1	0	0	0
	2500 ≤ X < 3000	2	0	2	0	0	0
	3000 ≤ X < 3500	9	1	10	1	0	1
	3500 ≤ X < 4000	5	1	6	1	0	1
	4000 ≤ X < 4500	0	0	0	0	0	0
	4500 ≤ X < 5000	1	0	1	0	0	0
	≥ 5000	0	0	0	0	0	0
2	Tuổi mẹ	18	2	20	2	0	2
	N/A	0	0	0	0	0	0
	13	0	0	0	0	0	0
	14	0	0	0	0	0	0
	15	0	0	0	0	0	0
	16	0	0	0	0	0	0
	17	0	0	0	0	0	0
	18 ≤ X < 20	1	0	1	0	0	0
	20 ≤ X < 25	8	0	8	0	0	0
	25 ≤ X < 30	5	1	6	1	0	1
	30 ≤ X < 35	1	0	1	0	0	0
	35 ≤ X < 40	2	1	3	1	0	1
	40 ≤ X < 45	1	0	1	0	0	0
	≥ 45	0	0	0	0	0	0
3	Dân tộc	18	2	20	2	0	2
	Kinh	18	2	20	2	0	2